TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HNGĐ- ST
Ngày 06/02/2026
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Giao;

2. Ông Trần Vũ Hà;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Trang- Chức vụ: Kiểm sát viên;

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 270/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 (Có mặt);

Địa chỉ: đường N, phường B, tỉnh Đắk Lắk;

Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

Địa chỉ: đường N, phường B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày có nội dung:

Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn L tự nguyện chung sống với nhau năm 2011, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk;

Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Nhật H, sinh ngày 27/7/2012 và cháu Lê Nguyễn Nhật V sinh ngày 02/9/2014;

Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa; mâu thuẫn xảy ra căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2024 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn L;

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung là cháu Lê Nguyễn Nhật H, sinh ngày 27/7/2012 và cháu Lê Nguyễn Nhật V sinh ngày 02/9/2014 đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Hiện nay công việc của bà Nguyễn Thị H là kinh doanh, thu nhập khoảng 50.000.000 đ/tháng;

Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Lê Văn L nhưng ông Lê Văn L vắng mặt không lý do; do đó Tòa án không ghi được lời khai của ông Lê Văn L và không tiến hành hòa giải cho các đương sự được;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án, xét thấy bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; này là phường T, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Văn L là có cơ sở chấp nhận;

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn với ông Lê Văn L;

Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Nguyễn Nhật H, sinh ngày 27/7/2012 và cháu Lê Nguyễn Nhật V sinh ngày 02/9/2014 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn L có nơi cư trú tại đường N, phường B, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 1-Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Lê Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất dồng; nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay;

Xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn L phát sinh đã lâu và kéo dài đến nay; mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó cần chấp nhận nguyện vọng ly hôn của bà Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Về con chung: Các con chung là Lê Nguyễn Nhật H, sinh ngày 27/7/2012 và cháu Lê Nguyễn Nhật V sinh ngày 02/9/2014 đều có nguyện vọng ở với mẹ; do đó cần giao các cháu cho mẹ là bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ông Lê Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Lê Văn L;

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Văn L;

Về con chung: Giao các con chung là cháu Lê Nguyễn Nhật H, sinh ngày 27/7/2012 và cháu Lê Nguyễn Nhật V sinh ngày 02/9/2014 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ông Lê Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0001634 ngày 07 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn ông Lê Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu Vực 1;
- UBND phường T, tỉnh Đắk Lắk; (GCNKH số 131, quyển số 02, ngày 04/10/2011 của UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk);
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương